|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**DỰ THẢO**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh **Đồng Nai**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”** như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông lâm thuỷ sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2023 đạt 3,83%/năm, mức tăng hằng năm cao hơn bình quân chung cả nước và đứng đầu so với các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ. Với việc ứng dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hiệu quả, bền vững đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, thu nhập người dân nông thôn, giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 160 triệu đồng/ha/năm, gấp 1,3 lần so năm 2020.

Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng các ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Một số mặt hàng trái cây có quy mô, năng suất thuộc nhóm đầu cả nước, như: chuối 14.200 ha, xoài 11.500 ha, bưởi hơn 10 ngàn ha, sầu riêng gần 12,7 ngàn ha, heo 2,3 triệu con, gà 22 triệu con, trong đó diện tích, sản lượng chuối, bưởi đứng đầu cả nước.

Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất theo hình thức hợp tác, liên kết đạt 45,2% *(giá trị 27.512 tỷ đồng)*, đạt 90,4% so với mục tiêu đến năm 2025 *(KH:50%)*. Một số địa phương đạt cao so với mục tiêu, như: Xuân Lộc 57,7%, Thống Nhất 55% và Tân Phú 90%.

Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đạt 64,2% *(112 hợp tác xã)*, đạt 80,25% so với mục tiêu đến năm 2025 (KH: 80%). Một số địa phương đạt cao so với mục tiêu, như: Thống Nhất 90%, Định Quán 85% và Trảng Bom 89%.

Nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sản xuất nông nghiệp tốt ngày càng phát triển. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp rộng khắp và dần đi vào chiều sâu góp phần mở rộng sản xuất nông nghiệp, phát triển thị trường.

Các cơ chế chính sách, chương trình, đề án, dự án phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với mục tiêu đột phá về nông nghiệp theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, được ban hành kịp thời, đồng bộ, tiêu biểu trong đó là Chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, xúc tiến thương mại, hỗ trợ hạ tầng đầu tư cụm công nghiệp, chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh trên từng lĩnh vực về thực hiện các Chiến lược phát triển ngành giai đoạn 2021 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành *(trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản, lâm nghiệp, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, phát triển ngành nghề làng nghề nông thôn).*

Xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn là hướng đi chủ đạo để phát triển nông thôn, tạo điều kiện cho người dân nông thôn có môi trường sống tốt đẹp, dần được tiếp cận các điều kiện như các đô thị văn minh. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, phồn thịnh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ.

Với những chủ trương mới của Đảng và Nhà nước nêu trên, ngành Nông nghiệp và PTNT cần phải đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động để có thể đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới.

Giai đoạn hiện tại, công tác khuyến nông cần phải kiện toàn về tổ chức, đặc biệt là khuyến nông cơ sở, đa dạng hoạt động khuyến nông theo cách tiếp cận dịch vụ cụ thể như sau:

* Tăng cường công tác khuyến nông cơ sở, đặc biệt là cấp xã, lấy HTX nông nghiệp là nền tảng để hỗ trợ nông dân sản xuất bền vững.
* Tăng cường nhiệm vụ khuyến nông theo hướng dịch vụ, bám vào 4 nhóm nhiệm vụ trọng tâm: Chuyển giao công nghệ, hỗ trợ hình thành phát triển hợp tác xã (vận động, tư vấn thành lập HTX, tư vấn tổ chức sản xuất,...), thông tin thị trường, liên kết sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi số.
* Đa dạng các loại hình hoạt động khuyến nông theo hướng dịch vụ, ưu tiên phục vụ phát triển vùng nguyên liệu bền vững.
* Trong giai đoạn trước mắt, nhiệm vụ trọng tâm đối với công tác khuyến nông là nhanh chóng củng cố, kiện toàn hệ thống khuyến nông các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở theo mô hình tổ khuyến nông cộng đồng. Đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông theo hướng đa dạng hóa chức năng và loại hình hoạt động khuyến nông, phát triển dịch vụ khuyến nông theo hướng xã hội hóa, tích hợp đa giá trị nhằm tạo ra giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế cho các đối tượng tham gia khuyến nông.

Để kịp thời đẩy mạnh hoạt động khuyến nông cộng đồng, ngày 16/4/2024 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Văn bản số 2769/BNN-KN về việc đẩy mạnh hoạt động khuyến nông cộng đồng và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Văn bản số 7479/UBND-KTN ngày 27/6/2024 về việc đẩy mạnh khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, để tiếp tục thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch,... Cần thiết phải ban hành Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”** để khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn đến năm 2030.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

- Việc xây dựng, triển khai thực hiện một số chính sách **hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai** nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương và các Nghị quyết của Tỉnh ủy về nông nghiệp và nông thôn, phù hợp tình hình thực tế tại địa phương; huy động mọi nguồn lực nhằm hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, liên kết chuỗi giá trị, thúc đẩy gia tăng giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của địa phương gắn với phát triển thương mại nông thôn.

- Chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện cho các tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của nông dân, trở thành lực lượng chủ lực của ngành nông nghiệp cơ sở.

* + - Xây dựng được bộ tài liệu về khuyến nông cộng đồng bao gồm các tài liệu tư vấn phát triển các tổ chức nông dân (HTX, Doanh nghiệp), tài liệu phát triển kinh doanh và thị trường.
    - Nâng cao năng lực cho tổ khuyến nông cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ HTX nông nghiệp, chuyển giao công nghệ khuyến nông.
    - Tài liệu hoá mô hình khuyến nông cộng đồng và đưa ra các bài học kinh nghiệm, tổ chức nhân rộng mô hình.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Chính sách phải có tính đột phá, ưu tiên phục vụ cho tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, thực sự cần thiết cho sản xuất hàng hóa mà vượt quá năng lực của người dân, cần sự hỗ trợ của nhà nước để phát triển sản xuất, khai thác các tiềm năng, lợi thế của địa phương và tạo môi trường, động lực thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng trình tự; cơ chế, chính sách cơ bản được xây dựng trên cơ sở những quy định của Nhà nước. Chính sách phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng định hướng tại các các quy định của Nghị quyết, Chiến lược, chính sách của Trung ương trong điều kiện tình hình thực tiễn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Lấy: **(1)** Văn bản Trung ương: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

**(2)** Văn bản địa phương: Hỗ trợ liên kết sản xuất theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh; hỗ trợ khuyến nông theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/4/2021 về phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp; Chương trình số 08/CTr-UBND ngày 21/7/2022 về hỗ trợ sản xuất an toàn giai đoạn 2022 – 2025; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 – 2030; Kết luận số 456-KL/TU ngày 19/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI về một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng, đoàn thể năm 2024; Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 14120/UBND-KTN ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021; Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Văn bản số 7479/UBND-KTN ngày 27/6 /2024 của Uỷ ban nhân dân về việc đẩy mạnh khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai làm nền tảng để đề xuất xây dựng chính sách phù hợp với định hướng và tình hình thực tế tại địa phương trên từng lĩnh vực.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định một số chính sách **hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ phát triển nông, lâm và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị thiết yếu để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng**

***1.1. Mục tiêu của chính sách***

*-* Tạo điều kiện cho Tổ Khuyến nông cộng đồng thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển nông nghiệp nông thôn góp phần hỗ trợ thực hiện Nghị quyết, chiến lược phát triển ngành, đáp ứng được các yêu cầu và mục tiêu đề ra của Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng và Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Đáp ứng các nhiệm vụ được giao của Tổ khuyến nông cộng đồng tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định tại Quyết định 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT nhằm thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

***1.2. Nội dung của chính sách***

“*1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ*

*a) Đối tượng hỗ trợ: Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh (trừ các Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).*

*b) Điều kiện hỗ trợ*

*- Các Tổ Khuyến nông cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quyết định do cấp có thẩm quyền ban hành.*

*- Có văn bản đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.*

*2. Nội dung và mức hỗ trợ*

*a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo; các thiết bị, phương tiện truyền thông như: Máy chiếu, máy tính xách tay, máy chụp hình, văn phòng phẩm.*

*b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ lần đầu khi thành lập với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/Tổ. Số lượng hỗ trợ không quá 170 Tổ.*

*3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư.”*

***1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn***

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*Hỗ trợ đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo; các thiết bị, phương tiện truyền thông như: Máy chiếu, máy tính xách tay, máy chụp hình, văn phòng phẩm.

*b) Lý do lựa chọn:* Nội dung chính sách là điều kiện cơ sở vật chất cần thiết để Tổ Khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả, góp phần củng cố và phát triển hệ thống khuyến nông ngày càng vững mạnh góp phần thúc đẩy nông nghiệp của tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động khuyến nông. Người dân, các hợp tác xã được hưởng lợi ích từ các hoạt động của đề án một cách tối ưu nhất.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng**

***2.1. Mục tiêu của chính sách***

# Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng để tư vấn cho hộ nông dân, hợp tác xã về khuyến nông bao gồm:

* + - Tư vấn, hỗ trợ xây dựng kế hoạch sản xuất hộ nông dân, tổ hợp tác, HTX phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp, thời vụ, và thực tế sản xuất của địa phương.
    - Tư vấn, hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và phù hợp với thực tế sản xuất hộ gia đình, tổ hợp tác, HTX.
    - Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ cho nông dân, HTX, tổ hợp tác trong địa bàn được phân công.
    - Hướng dẫn, nông dân, HTX tham gia thực hiện các dự án khuyến nông trong vùng nguyên liệu.
    - Tư vấn, tập huấn về các kỹ thuật, công nghệ, quy trình sản xuất.
    - Liên kết nông dân với các doanh nghiệp, HTX giải quyết đầu ra cho nông sản.

# Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng để tư vấn phát triển hợp tác xã nông nghiệp:

* + - Tư vấn, hỗ trợ thành lập hợp tác xã nông nghiệp.
    - Tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã xây dựng mới, hoàn thiện, củng cố, kiện toàn các quy chế quản lý nội bộ của hợp tác xã: quản trị hành chính, quản trị tài chính, quản trị hoạt động.
    - Tư vấn, hỗ trợ HTX xây dựng và thực hiện kế hoạch/phương án sản xuất kinh doanh hàng năm.
    - Tư vấn, hỗ trợ HTX phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh mới có lợi thế cạnh tranh.

***2.2. Nội dung của chính sách***

“*1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ*

*a) Đối tượng hỗ trợ: Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh (trừ các Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).*

*b) Điều kiện hỗ trợ*

*- Các Tổ Khuyến nông cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quyết định do cấp có thẩm quyền ban hành.*

*- Có văn bản đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.*

*2. Nội dung và mức hỗ trợ*

*a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ**phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng.*

*b) Mức hỗ trợ: 5 triệu đồng/tháng đối với Tổ trưởng, 3 triệu đồng/tháng đối với Tổ phó. Số lượng hỗ trợ mỗi Tổ Khuyến nông cộng đồng không quá 1 Tổ trưởng và 2 Tổ phó.*

*3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư.”*

***2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn***

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*Hỗ trợphụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng.

*b) Lý do lựa chọn:* Nội dung chính sách là điều kiện cần thiết để Tổ Khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả, góp phần củng cố và phát triển hệ thống khuyến nông ngày càng vững mạnh góp phần thúc đẩy nông nghiệp của tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động khuyến nông. Người dân, các hợp tác xã được hưởng lợi ích từ các hoạt động của đề án một cách tối ưu nhất.

### 3. Chính sách 3: Kinh phí hoạt động cho các Tổ Khuyến nông cộng đồng đã được thành lập

***3.1. Mục tiêu của chính sách***

**Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn cụ thể theo từng lĩnh vực trong phát triển hợp tác xã, bao gồm các tài liệu:**

* + - Xây dựng các bộ tài liệu tập huấn, tư vấn HTX.
    - Tài liệu khuyến nông trong HTX về ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, sản xuất hữu cơ; liên kết chuỗi giá trị và phát triển vùng nguyên liệu.
    - Tài liệu hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong quản lý và quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.
    - Bộ tài liệu hỗ trợ hình thành và phát triển HTX.

**Tập huấn TOT nâng cao năng lực cho hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân:**

* + - Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển giao khoa học kỹ thuật.
    - Tổ chức các lớp tập huấn cho thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng về kinh tế tập thể, phát triển hợp tác xã.
    - Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về thị trường và liên kết chuỗi giá trị.
    - Tập huấn chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất,

liên kết sản xuất và thông tin thị trường.

### Thông tin, truyền thông

* + - Tổ chức hội thảo khởi động, hội thảo đánh giá kết thúc, các diễn đàn trao đổi diễn đàn trao đổi, truyền thông nâng cao nhận thức.
    - Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng tại trung ương và tại các tỉnh (Báo Nông nghiệp Việt Nam, Báo Nông thôn ngày nay, các kênh truyền hình,...).
    - Xây dựng các video clip về Tổ Khuyến nông cộng đồng.
    - Xây dựng video clip giới thiệu về kết quả dự án.

***3.2. Nội dung của chính sách***

“*1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ*

*a) Đối tượng hỗ trợ: Các Tổ Khuyến nông cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh (trừ các Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Đề án: Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác Khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ Khuyến nông cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1094/QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022).*

*b) Điều kiện hỗ trợ*

*- Các Tổ Khuyến nông cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quyết định do cấp có thẩm quyền ban hành.*

*- Có văn bản đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.*

*2. Nội dung và mức hỗ trợ*

*a) Nội dung hỗ trợ: Kinh phí hoạt động cho các Tổ Khuyến nông cộng đồng.*

*b) Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/Tổ/năm. Số lượng hỗ trợ không quá 170 Tổ.*

*3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư.”*

***3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn***

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*Nâng cao năng lực cho các tổ khuyến nông cộng đồng đã được thành lập.

*b) Lý do lựa chọn:* Nội dung chính sách là điều kiện cần thiết để Tổ Khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả, góp phần củng cố và phát triển hệ thống khuyến nông ngày càng vững mạnh góp phần thúc đẩy nông nghiệp của tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động khuyến nông. Người dân, các hợp tác xã được hưởng lợi ích từ các hoạt động của đề án một cách tối ưu nhất.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Dự kiến hàng năm ngân sách địa phương bố trí khoảng **32.640** triệu đồng, dự kiến từ các nguồn kinh phí như: Cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện hàng năm; nguồn dịch vụ môi trường rừng và các nguồn hợp pháp khác để triển khai thực hiện chính sách. Tương ứng với giai đoạn 2025 - 2030 khoảng **163.200** triệu đồng. Chi tiết tại Bảng sau:

| **Stt** | **Chính sách đề xuất** | **Kinh phí/Năm  (Triệu đồng)** | | | **Kinh phí giai đoạn 2025-2030; 05 năm (Triệu đồng)** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Tổng* | *NS tỉnh* | *NS huyện/TP* | *Tổng* | *NS tỉnh* | *NS huyện/TP* |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị thiết yếu để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng | 1.700 | 1.700 | - | 8.500 | 8.500 | - |
| 2 | Hỗ trợ phụ cấp và chi phí đi lại cho các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng để triển khai các hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng | 22.440 | 22.440 | - | 112.200 | 112.200 | - |
| 3 | Kinh phí hoạt động cho các Tổ Khuyến nông cộng đồng | 8.500 | 8.500 | - | 42.500 | 42.500 | - |
| **TỔNG CỘNG** | | **32.640** | **32.640** | **-** | **163.200** | **163.200** | **-** |

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Kỳ họp thứ ..., Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên cơ sở các ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa, giải trình tại Báo cáo số ……./BC-UBND ngày ……/……/2024; đồng thời, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết *(kèm theo danh mục thành phần hồ sơ và các tài liệu trong hồ sơ).*

Để đảm bảo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mang tính chất đặc thù theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định *(thực hiện theo Điều 117 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)*.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - CT, các PCT UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và PTNT;  - CVP, các PCVP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, NNTNMT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG**

**NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ   
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030   
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

1. Tờ trình số ....../TTr-UBND ngày ....../....../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”**.

2. Báo cáo số ....../BC-UBND ngày ....../....../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tác động của chính sách Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”**.

3. Báo cáo số ……/BC-SNN ngày ……/01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tổng kết thi hành pháp luật đối với các chính sách liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn và đề xuất chính sách đặc thù giai đoạn đến năm 2030.

4. Báo cáo số ....../BC-SNN ngày ....../01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”.**

5. Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”**.

6. Tài liệu góp ý bằng văn bản của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có liên quan.

7. Báo cáo thẩm định số 33/BCTĐ-STP ngày 14/9/2023 của Sở Tư pháp về đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”**.

8. Báo cáo số ……/BC-SNN ngày ……/01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”**.

9. Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày ....../....../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết “*Quy định một số* ***chính sách hỗ trợ phát triển khuyến nông cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”**.

10. Các văn bản có liên quan của Sở Nông nghiệp và PTNT